

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 21.9.2018

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đức
2. Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-DS ngày 13/9/2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 14/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 04/9/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1972 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn M, Xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. ***Các bị đơn:***

- Bà Võ Thị Trang T, sinh năm: 1977,
 - Bà Huỳnh Thị Trang Th, sinh năm 1995
 - Bà Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1996
- Cùng địa chỉ: Khu phố 8, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018 của bà Nguyễn Thị V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2015, bà Nguyễn Thị V cho bà Võ Thị Trang T, Huỳnh Thị Trang Th, Huỳnh Thị Thanh T1 vay số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 năm, lãi suất 1%/tháng. Khi vay tiền, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền và được Văn phòng công chứng L công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, từ ngày vay tiền đến nay, mặc dù bà Nguyễn Thị V nhiều lần yêu cầu nhưng bà T, bà Th, bà T1 chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho bà. Do vậy, bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, bà Th, bà T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà V số tiền: 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày 13/01/2015 đến ngày 13/3/2018 là: $160.000.000 \text{ đồng} \times 38 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 100.928.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là: 260.928.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà V chỉ yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận trên hợp đồng vay là 1%/tháng, do đó, số tiền bà V yêu cầu bà T, bà Th, bà T1 phải trả là 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày 13/01/2015 đến ngày xét xử (ngày 21/9/2018) là: $160.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 70.826.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là: 230.826.000 đồng.

Theo bản tự khai và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Trang T trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2015, bà có vay của bà Nguyễn Thị V nhiều lần, tổng cộng số tiền 125.000.000 đồng. Đến tháng 01/2015 thì bà và bà Nguyễn Thị V lập hợp đồng vay số tiền 160.000.000 đồng, sau đó, bà V đưa cho bà thêm 25.000.000 đồng nữa. Thực tế bà V chỉ cho bà vay số tiền 150.000.000 đồng. Việc vay tiền chỉ liên quan đến bà V và bà Võ Thị Trang T, hai con gái là Huỳnh Thị Trang Th và Huỳnh Thị Thanh T1 không liên quan, do đề làm tin nên bà Th và bà T1 mới ký vào hợp đồng vay tiền nêu trên. Bà T thừa nhận chỉ vay bà Nguyễn Thị V số tiền 150.000.000 đồng, bà có ý kiến xin bà V khoản tiền lãi, tiền gốc sẽ trả theo tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với các bị đơn Huỳnh Thị Trang Th và Huỳnh Thị Thanh T1 nhưng bà Th và bà T1 vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án : Hội đồng xét xử và Thư ký tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án : Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có trách

nhệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay cho đến ngày xét xử. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn trả số tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng vay, là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Hơn nữa, các bị đơn bà Võ Thị Trang Th, bà Huỳnh Thị Trang T và bà Huỳnh Thị Thanh T1 đều có địa chỉ tại khu phố 8, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng các bị đơn bà Võ Thị Trang T, bà Huỳnh Thị Trang Th, bà Huỳnh Thị Thanh T1 đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đức Á (chồng bà Nguyễn Thị V) trình bày xác nhận số tiền bà V cho 03 mẹ con bà Trang T vay là tài sản riêng của bà V, ông không có ý kiến gì, không liên quan nên Tòa án không đưa ông Nguyễn Đức Á tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn và bị đơn xác định việc giao dịch vay tiền là chỉ giữa nguyên đơn với bị đơn, mục đích vay là sử dụng cho cá nhân của bị đơn, nay nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, không đưa chồng của bị đơn (bà Võ Thị Trang T) tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] *Về quan hệ pháp luật:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 13/01/2015 đến ngày xét xử (ngày 21/9/2018) theo lãi suất như hai bên đã thỏa thuận là 1%/tháng. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về nội dung tranh chấp:* Tại Hợp đồng vay tiền lập ngày 15/01/2015 thể hiện, bà T, bà Th, bà T1 có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 160.000.000 đồng, việc vay tiền này được cả bên vay và bên cho vay ký xác nhận và được Văn phòng Công chứng L công chứng, chứng thực. Vì vậy, giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà Thư cho rằng bà chỉ vay của bà V 150.000.000 đồng, việc vay mượn là của một mình bà, không liên quan gì đến 02 con bà là chị Th và chị T1, tuy nhiên, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị Trang T, Huỳnh Thị Trang Th, Huỳnh Thị Thanh T1 mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, được coi như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét, giao dịch vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị V với bà Võ Thị Trang Th, Huỳnh Thị Trang T và Huỳnh Thị Thanh T1 là giao dịch dân sự hợp pháp được pháp luật bảo vệ, việc bà Võ Thị Trang Th, Huỳnh Thị Trang T và Huỳnh Thị Thanh T1 không thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Trang Th, Huỳnh Thị Trang T và Huỳnh Thị Thanh T1 trả nợ số tiền gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về khoản tiền lãi: Xét thấy, mức tiền lãi bà Vũ yêu cầu là 1%/tháng kể từ ngày 13/01/2015 đến ngày xét xử (ngày 21/9/2018), căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 “trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...”. Do đó, yêu cầu về lãi suất của bà Vũ là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Trong khoảng thời gian từ 13/01/2015 đến ngày xét xử là ngày 21/9/2018 (là 44 tháng 08 ngày), các bị đơn chưa trả tiền lãi cho nguyên đơn, tương ứng với số tiền: $1\%/\text{tháng} \times 160.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 70.826.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, buộc các bị đơn bà Võ Thị Trang T, bà Huỳnh Thị Trang Th, bà Huỳnh Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay là 230.826.000 đồng, trong đó tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi là 70.826.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 40, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Võ Thị Trang T, bà Huỳnh Thị Trang Th, bà Huỳnh Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và 70.826.000 đồng (bảy mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) lãi; tổng cộng là 230.826.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

2. Về án phí: Bà Võ Thị Trang T, bà Huỳnh Thị Trang Th, bà Huỳnh Thị Thanh T1 phải chịu 11.541.000 đồng (mười một triệu năm trăm bốn mươi một ngàn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 6.523.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0017736 ngày 16/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21.9.2018). Các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Anh